

THÔNG TƯ
Quy định quản lý, sử dụng trang phục dân quân tự vệ

Căn cứ Luật Dân quân tự vệ năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 58/2010/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Dân quân tự vệ;

Căn cứ Nghị định số 35/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng.

Xét đề nghị của Tổng Tham mưu trưởng;

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Thông tư quy định quản lý, sử dụng trang phục dân quân tự vệ.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định quản lý, sử dụng, thanh tra, kiểm tra và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong sản xuất, quản lý, sử dụng trang phục dân quân tự vệ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến sản xuất, quản lý, sử dụng trang phục dân quân tự vệ.

2. Cơ quan quân sự địa phương cấp tỉnh, cấp huyện, Ban Chỉ huy quân sự bộ, ngành Trung ương, Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức ở cơ sở, Ban Chỉ huy quân sự cấp xã, cán bộ, chiến sĩ dân quân tự vệ.

Điều 3. Các hành vi bị nghiêm cấm

1. Sản xuất, tàng trữ, sử dụng, mua bán, vận chuyển trái phép, làm giả trang phục dân quân tự vệ.

2. Thuê, mượn, trao đổi, lợi dụng trang phục dân quân tự vệ để có hành vi trái với quy định của pháp luật.

3. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn làm trái quy định về sản xuất, quản lý, sử dụng trang phục dân quân tự vệ.

4. Sử dụng trang phục dân quân tự vệ khi không làm nhiệm vụ.
5. Tự ý thay đổi kiểu dáng, màu sắc trang phục.
6. Cung cấp sai hoặc giả mạo kết quả thử nghiệm, kiểm tra, giám định, kiểm định, chứng nhận chất lượng, tiêu chuẩn trang phục dân quân tự vệ.

Chương II

QUẢN LÝ TRANG PHỤC DÂN QUÂN TỰ VỆ

Điều 4. Nội dung quản lý

1. Kiểu dáng, màu sắc quy định tại Nghị định số 58/2010/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ; chất lượng theo Tiêu chuẩn TCVN/QS 1822:2014, Trang phục Dân quân tự vệ.
2. Hợp đồng kinh tế, quá trình sản xuất, cấp phát, sử dụng trang phục dân quân tự vệ theo quy định của pháp luật.
3. Ngân sách bảo đảm trang phục dân quân tự vệ phân cấp theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Trách nhiệm quản lý

1. Bộ Tổng Tham mưu
 - a) Giúp Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quản lý nhà nước về trang phục dân quân tự vệ và phối hợp với cơ quan, tổ chức liên quan tổng hợp nhu cầu, ngân sách bảo đảm trang phục dân quân tự vệ theo quy định của pháp luật;
 - b) Chỉ đạo Cục Dân quân tự vệ chủ trì, phối hợp với cơ quan, tổ chức liên quan sản xuất, cấp phát trang phục mẫu, thực hiện quản lý theo quy định tại Điều 4 Thông tư này và phối hợp kiểm tra, giám sát, thanh tra việc sản xuất, quản lý, sử dụng trang phục dân quân tự vệ.
2. Các quân khu
 - a) Giúp Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quản lý nhà nước về trang phục dân quân tự vệ trên địa bàn quân khu;
 - b) Chỉ đạo cơ quan, đơn vị chức năng thuộc quyền tiếp nhận, cấp phát trang phục mẫu và sản xuất, quản lý, sử dụng trang phục dân quân tự vệ theo quy định;
 - c) Chỉ đạo cơ quan chức năng thuộc quyền chủ trì, phối hợp với cơ quan, tổ chức liên quan kiểm tra, giám sát, thanh tra việc sản xuất, quản lý, sử dụng trang phục dân quân tự vệ theo thẩm quyền;
 - d) Báo cáo Bộ Tổng Tham mưu nhu cầu, kinh phí bảo đảm trang phục dân quân tự vệ và các doanh nghiệp, đơn vị, cá nhân thực hiện sản xuất, quản lý, sử dụng trang phục dân quân tự vệ.
3. Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh, Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh

a) Giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp quản lý nhà nước về trang phục dân quân tự vệ theo thẩm quyền;

b) Chỉ đạo cơ quan, đơn vị chức năng thuộc quyền tiếp nhận, cấp phát trang phục mẫu và quản lý việc sản xuất, sử dụng trang phục dân quân tự vệ theo quy định; kiểm tra, giám sát, thanh tra việc sản xuất, quản lý, sử dụng trang phục dân quân tự vệ theo thẩm quyền ;

c) Hợp đồng với doanh nghiệp, đơn vị, cá nhân có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật để sản xuất trang phục dân quân tự vệ hoặc phân cấp cho Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện thực hiện;

d) Cấp phát, chỉ đạo cấp phát và thu hồi trang phục dân quân tự vệ theo quy định của pháp luật về dân quân tự vệ;

đ) Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội báo cáo Bộ Tổng Tham mưu nhu cầu, kinh phí bảo đảm trang phục dân quân tự vệ và các doanh nghiệp, đơn vị, cá nhân thực hiện sản xuất, quản lý, sử dụng trang phục dân quân tự vệ;

Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh, Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh báo cáo quân khu nhu cầu, kinh phí bảo đảm trang phục dân quân tự vệ; các doanh nghiệp, đơn vị, cá nhân thực hiện sản xuất và quản lý, sử dụng trang phục dân quân tự vệ.

4. Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện

a) Giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý nhà nước về trang phục dân quân tự vệ theo thẩm quyền;

b) Chỉ đạo cơ quan, đơn vị chức năng thuộc quyền tiếp nhận, cấp phát trang phục mẫu và quản lý việc sản xuất, sử dụng trang phục dân quân tự vệ theo quy định của Thông tư này;

c) Hợp đồng với doanh nghiệp, đơn vị, cá nhân có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật để sản xuất trang phục dân quân tự vệ khi được phân cấp;

d) Cấp phát, chỉ đạo cấp phát và thu hồi trang phục dân quân tự vệ theo quy định của pháp luật về dân quân tự vệ;

đ) Chủ trì, phối hợp với cơ quan, tổ chức liên quan kiểm tra, giám sát và phối hợp thanh tra việc sản xuất, quản lý, sử dụng trang phục dân quân tự vệ theo thẩm quyền;

e) Báo cáo cơ quan quân sự địa phương cấp tỉnh (Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh, Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh) nhu cầu, kinh phí bảo đảm trang phục dân quân tự vệ; các doanh nghiệp, đơn vị, cá nhân thực hiện sản xuất và quản lý, sử dụng trang phục dân quân tự vệ.

5. Ban Chỉ huy quân sự cấp xã

a) Giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý nhà nước về trang phục dân quân tự vệ theo thẩm quyền;

b) Tiếp nhận, cấp phát, thu hồi và kiến nghị thu hồi trang phục dân quân tự vệ theo quy định của pháp luật;

c) Chủ trì thực hiện, tổ chức kiểm tra và báo cáo Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện nhu cầu, kinh phí bảo đảm trang phục dân quân tự vệ và việc quản lý, sử dụng trang phục dân quân tự vệ trên địa bàn.

6. Ban Chỉ huy quân sự bộ, ngành Trung ương, Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức ở cơ sở và chỉ huy đơn vị tự vệ

a) Giúp người đứng đầu cơ quan, tổ chức quản lý về trang phục dân quân tự vệ theo quy định của pháp luật;

b) Nhận, cấp phát trang phục mẫu, tổ chức sản xuất, cấp phát, quản lý, sử dụng, thu hồi và kiến nghị thu hồi trang phục dân quân tự vệ theo quy định của pháp luật;

c) Ban Chỉ huy quân sự bộ, ngành Trung ương chủ trì thực hiện, thường xuyên kiểm tra và báo cáo Bộ Tổng Tham mưu việc quản lý, sử dụng trang phục dân quân tự vệ;

d) Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức ở cơ sở và chỉ huy đơn vị tự vệ (nơi không có Ban Chỉ huy quân sự) chủ trì thực hiện, tổ chức kiểm tra và báo cáo cơ quan quân sự địa phương trực tiếp quản lý, Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức cấp trên việc quản lý, sử dụng trang phục dân quân tự vệ.

7. Trách nhiệm của dân quân tự vệ

a) Quản lý, sử dụng trang phục dân quân tự vệ theo quy định của pháp luật về dân quân tự vệ;

b) Báo cáo kịp thời với cấp có thẩm quyền khi phát hiện những vi phạm trong sản xuất, quản lý, sử dụng trang phục dân quân tự vệ;

c) Trường hợp trang phục bị mất, bị hỏng phải báo cáo kịp thời với người chỉ huy trực tiếp; xin cấp lại nếu có lý do chính đáng, không có lý do chính đáng phải bồi thường.

Chương III

SỬ DỤNG TRANG PHỤC DÂN QUÂN TỰ VỆ

Điều 6. Thời gian sử dụng trang phục

1. Trang phục mùa đông sử dụng từ ngày 01 tháng 11 năm trước đến hết ngày 31 tháng 3 năm sau.

2. Trang phục mùa hè sử dụng từ ngày 01 tháng 4 đến hết ngày 31 tháng 10 cùng năm.

3. Thời gian giao mùa tính trước và sau 15 ngày so với thời gian quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này.

4. Đối với các tỉnh từ Đà Nẵng trở vào (trừ các tỉnh Tây Nguyên) sử dụng trang phục mùa hè trong cả năm.

Điều 7. Sử dụng trang phục của dân quân tự vệ

1. Mang, mặc trang phục theo mùa

a) Trang phục đông

Cán bộ dân quân tự vệ: Mũ cứng hoặc mũ mềm có gắn sao mũ dân quân tự vệ; quần áo đông, caravat, áo ấm, bít tất, giày da màu đen hoặc giày vải;

Chiến sĩ dân quân tự vệ: Mũ cứng hoặc mũ mềm có gắn sao mũ dân quân tự vệ; quần, áo chiến sĩ, áo ấm, bít tất, giày vải.

b) Trang phục hè

Cán bộ dân quân tự vệ: Mũ cứng hoặc mũ mềm có gắn sao mũ dân quân tự vệ; quần áo hè, bít tất, giày da màu đen hoặc giày vải;

Chiến sĩ dân quân tự vệ: Mũ cứng hoặc mũ mềm có gắn sao mũ dân quân tự vệ; quần, áo chiến sĩ; bít tất, giày vải.

2. Mang, mặc trang phục hằng ngày

Chỉ huy trưởng, Chỉ huy phó Ban Chỉ huy quân sự cấp xã; dân quân tự vệ thường trực; cán bộ, chiến sĩ dân quân tự vệ trong thời gian bồi dưỡng, tập huấn, huấn luyện, hội thi, hội thao, diễn tập, tuần tra, canh gác, thực hiện nhiệm vụ theo kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; đào tạo cán bộ quân sự Ban Chỉ huy quân sự cấp xã.

3. Mang, mặc trang phục trong các ngày lễ

a) Các ngày lễ của đất nước; lễ kỷ niệm ngày thành lập, ngày truyền thống, sự kiện chính trị của cơ quan, tổ chức ở Trung ương, địa phương, đơn vị vũ trang nhân dân

Cán bộ, chiến sĩ dân quân tự vệ sử dụng trang phục theo mùa được quy định tại Khoản 1 Điều này có đeo dải hoặc cuống Huân chương, Huy chương, do Chỉ huy trưởng cơ quan quân sự địa phương cấp tỉnh, Ban Chỉ huy quân sự bộ, ngành Trung ương trở lên quy định.

Trang phục dân quân tự vệ nam đeo dải hoặc cuống Huân chương, Huy chương trên ngực áo bên trái theo thứ tự hạng cao ở trên, hạng thấp ở dưới, mỗi hàng không quá 5 chiếc, mép trên cuống Huân chương, Huy chương hàng thứ nhất cao hơn mép trên nắp túi áo ngực 5 cm; đeo Huy hiệu trên ngực áo bên phải, cách mép trên nắp túi áo ngực 5 cm;

Trang phục dân quân tự vệ nữ đeo dải Huân chương, Huy chương trên ngực áo bên trái, theo thứ tự hạng cao ở trên, hạng thấp ở dưới, mỗi hàng không quá 5 chiếc, mép trên hàng thứ nhất cao ngang với mép trên cúc áo trên cùng hàng khuy giữa; đeo Huy hiệu trên ngực áo bên phải mép trên của Huy hiệu cao ngang với mép trên cúc áo trên cùng hàng khuy giữa;

b) Khối dân quân tự vệ tham gia diễu duyệt trong các ngày lễ của đất nước; kỷ niệm ngày thành lập, ngày truyền thống, sự kiện chính trị của cơ quan, tổ chức ở Trung ương, địa phương, đơn vị vũ trang nhân dân.

Khối trưởng, tổ quân kỳ dân quân tự vệ sử dụng trang phục quy định tại Điểm a Khoản này;

Khối dân quân tự vệ sử dụng trang phục dân tộc truyền thống, đầu quần khăn hoặc đội mũ được gắn sao mũ dân quân tự vệ.

4. Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự cấp xã, Chỉ huy trưởng đơn vị tự vệ quy định việc sử dụng mũ cứng hoặc mũ mềm, trang phục dùng chung cho phù hợp với từng nhiệm vụ.

5. Dân quân tự vệ đã hoàn thành nghĩa vụ được sử dụng trang phục dân quân tự vệ khi tham gia hoạt động nhân dịp những ngày lễ của đất nước, kỷ niệm ngày thành lập, ngày truyền thống, sự kiện chính trị của cơ quan, tổ chức ở Trung ương, địa phương, đơn vị vũ trang nhân dân.

Chương IV

THANH TRA, KIỂM TRA

Điều 8. Thanh tra quốc phòng các cấp

1. Tham mưu cho chỉ huy cùng cấp phối hợp với cơ quan, tổ chức liên quan định kỳ hoặc đột xuất tiến hành thanh tra theo thẩm quyền việc sản xuất, quản lý, sử dụng, tiêu chuẩn, chất lượng trang phục dân quân tự vệ theo quy định của pháp luật.

2. Phối hợp với cơ quan, tổ chức liên quan giải quyết theo thẩm quyền việc khiếu nại, tố cáo, tiếp công dân, phòng chống tham nhũng về sản xuất, quản lý, sử dụng, tiêu chuẩn, chất lượng trang phục dân quân tự vệ theo quy định của pháp luật.

3. Kiến nghị hoặc xử lý vi phạm đối với hành vi vi phạm về sản xuất, quản lý, sử dụng, tiêu chuẩn, chất lượng trang phục dân quân tự vệ theo thẩm quyền.

Điều 9. Kiểm tra

1. Thẩm quyền và phạm vi kiểm tra

a) Bộ Tổng Tham mưu chủ trì, phối hợp cơ quan, tổ chức liên quan giúp Bộ trưởng Bộ Quốc phòng kiểm tra việc sản xuất, quản lý, sử dụng, tiêu chuẩn, chất lượng trang phục dân quân tự vệ trên phạm vi toàn quốc;

b) Cục Dân quân tự vệ chủ trì, phối hợp với cơ quan, tổ chức liên quan xây dựng kế hoạch kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất việc sản xuất, quản lý, sử dụng, tiêu chuẩn, chất lượng trang phục dân quân tự vệ trình Bộ Tổng Tham mưu phê duyệt và tổ chức thực hiện;

c) Các tổng cục, quân chủng, binh chủng, binh đoàn, cơ quan, tổ chức có tự vệ; Bộ Tư lệnh các quân khu, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, cơ quan quân sự địa phương cấp tỉnh, cấp huyện, Ban Chỉ huy quân sự cấp xã chủ trì hoặc tham gia kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất việc sản xuất, quản lý, sử dụng, tiêu chuẩn, chất lượng trang phục dân quân tự vệ theo thẩm quyền;

d) Cục Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng thuộc Bộ Quốc phòng phối hợp với Cục Dân quân tự vệ, cơ quan, tổ chức liên quan tham gia kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất việc sản xuất, sử dụng, chất lượng trang phục dân quân tự vệ.

2. Tổ chức đoàn kiểm tra

a) Đoàn kiểm tra của Bộ Quốc phòng do Tổng Tham mưu trưởng quyết định thành lập;

b) Đoàn kiểm tra của các cơ quan, đơn vị quy định tại Điểm c, Khoản 1 Điều này do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định thành lập.

3. Nội dung kiểm tra

a) Kiểm tra việc sản xuất và chất lượng trang phục dân quân tự vệ: Hợp đồng kinh tế, hồ sơ kỹ thuật; toàn bộ hoặc một trong các giai đoạn của quá trình sản xuất; chất lượng nguyên vật liệu, sản phẩm, thành phẩm theo TCVN/QS 1822:2014 về trang phục dân quân tự vệ; tiêu chuẩn kỹ thuật trang thiết bị đo lường, kiểm tra, thử nghiệm và các nội dung khác có liên quan của cơ sở sản xuất trang phục dân quân tự vệ.

b) Kiểm tra trách nhiệm quản lý, sử dụng trang phục dân quân tự vệ quy định tại các Khoản 2, 3, 4, 5, 6, 7 Điều 5 và Điều 6, 7 Thông tư này; kiểm tra chất lượng trang phục dân quân tự vệ đang sử dụng trong niên hạn theo tiêu chuẩn TCVN/QS 1822:2014.

4. Trách nhiệm, quyền hạn của đoàn kiểm tra

a) Thông báo kế hoạch kiểm tra định kỳ đến đơn vị được kiểm tra trước ít nhất 15 ngày làm việc; kế hoạch kiểm tra đột xuất trước ít nhất 05 ngày làm việc;

b) Thực hiện đúng kế hoạch kiểm tra, phúc tra được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Dân chủ, công khai, đúng quy định của pháp luật, không gây cản trở hoạt động thường xuyên của cơ quan, tổ chức cá nhân được kiểm tra;

d) Thực hiện kiểm tra, phúc tra và kết luận đúng thẩm quyền; báo cáo và thông báo theo quy định.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 10. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2015 và thay thế Thông tư số 84/2010/TT-BQP ngày 01 tháng 7 năm 2010 quy định cách mang, mặc, quản lý và sử dụng trang phục dân quân tự vệ nông cốt.

Điều 11. Trách nhiệm thi hành

Thủ trưởng các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này. / *ng*

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc CP;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- UBTWMTTQVN, Cơ quan TW của các đoàn thể;
- VKSND tối cao, TAND tối cao, Kiểm toán NN;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Các Thủ trưởng BQP và CNTCCT;
- Các đầu mối trực thuộc BQP;
- BTL TP HCM, Bộ CHQS các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Cục Dân quân tự vệ, Vụ Pháp chế BQP;
- Công TTĐT Chính phủ, BQP, Công báo;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL, Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, NCTH; T 350b.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG**



Thượng tướng Đỗ Bá Tỵ